

Các chủ điểm ngữ pháp tiếng anh B1

Các thì trong ngữ pháp tiếng anh B1

Loại thì	Cách dùng	Cấu trúc câu
Present perfect continuous tense (Thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn)	Diễn tả sự kiện đang diễn ra và kéo dài đến hiện tại	I (have been reading) for school.
Past perfect continuous tense (Thì quá khứ hoàn thành tiếp diễn)	Diễn tả sự kiện đang diễn ra và kéo dài đến một thời điểm cụ thể ở quá khứ	I (had been waiting) for 4 hours.
Future perfect continuous tense (Thì tương lai hoàn thành tiếp diễn)	Diễn tả sự kiện sẽ đang diễn ra và kéo dài đến một thời điểm cụ thể ở tương lai	I (will have been working) for eight years.

Câu điều kiện hỗn hợp trong ngữ pháp tiếng anh B1

- Cách dùng: Được sử dụng để kết hợp giữa điều kiện hiện tại và điều kiện không thể xảy ra trong quá khứ
- Cấu trúc câu: If + S + V2, S + will/shall + V
- Ví dụ: If she calls, I (will go) to the party.

Cấu trúc so sánh trong ngữ pháp B1

Loại so sánh	Cách dùng	Cấu trúc câu	Ví dụ
So sánh bằng	Diễn đạt sự bằng nhau về một đặc điểm nào đó	<ul style="list-style-type: none"> • as + adj/adv + as • not so/as + adj/adv + as 	<ul style="list-style-type: none"> • He (as tall as) his father. • She (not as tall as) her sister.

So sánh hơn	Diễn đạt sự vượt trội về một đặc điểm nào đó	<ul style="list-style-type: none"> • adj/adv + er + than • more + adj/adv + than 	<ul style="list-style-type: none"> • This pen is (cheaper than) the other one. • He is (more talented than) his classmates.
So sánh hơn nhất	Diễn đạt sự vượt trội nhất về một đặc điểm nào đó	<ul style="list-style-type: none"> • the + adj/adv + est • the most + adj/adv 	<ul style="list-style-type: none"> • He is (the tallest) person in his family. • He is (the most talented) in his class.

Mệnh đề quan hệ trong ngữ pháp B1 tiếng anh

Đại từ quan hệ kép

Đại từ	Cách dùng	Ví dụ
Whoever	Thay thế cho người (chủ thể)	Invite (whoever you want to the party).
Whomever	Thay thế cho người (bổ ngữ)	Give the job to (whomever you think is qualified).
Whichever	Thay thế cho vật (chủ thể hoặc bổ ngữ)	Choose (whichever dress you like).
Whatever	Thay thế cho vật (chủ thể hoặc bổ ngữ)	I'll eat (whatever you cook for dinner).
Whenever	Thay thế cho thời gian	Call me (whenever you need help).
Wherever	Thay thế cho nơi chốn	I'll be there (wherever you decide to hold the meeting).

Mệnh đề quan hệ rút gọn

Dạng	Cách dùng	Cấu trúc	Ví dụ
Rút gọn dạng Hiện tại phân từ	Mô tả hành động đang diễn ra hoặc tính trạng hiện tại của người hoặc vật trong mệnh đề quan hệ	Using Present Participle (-ing form)	The boy (playing in the garden) is my nephew.
Rút gọn dạng Quá khứ phân từ	Mô tả hành động đã diễn ra hoặc tính trạng trong quá khứ của người hoặc vật trong mệnh đề quan hệ	Using Past Participle (-ed form or irregular form)	The book (written by Mark Twain) is a classic.

